

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 11/2020/DS-ST

Ngày 09/9/2020

“V/v: “T/c hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Khánh.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Cù Thị Lan và bà Bùi Thị Kim Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 09/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2020/TLST-DS ngày 02/6/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-DS ngày 29/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐ-ST ngày 28/8/2020, giữa các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Bà L; Địa chỉ: 44 HT, phường LT, thành phố C, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà T; Địa chỉ: 100/8 AK, thành phố C, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

1.2. Bị đơn: Anh D; Địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường AT, thành phố C, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia giải quyết vụ án đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà T trình bày: Vào ngày 25/4/2016, bà L có cho ông D vay số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), ông D nói vay để làm ăn, thời hạn vay 12 tháng, từ ngày 25/4/2016 đến ngày 25/4/2017, lãi suất vay 1,5%/ tháng, kỳ hạn trả nợ như sau:

Ngày 10/5/2016, ông D phải trả cho bà L số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Ngày 25/7/2016, ông D phải trả cho bà L số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Số tiền còn lại 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) ông D có nghĩa vụ trả cho bà L khi hết thời hạn vay.

Việc vay tiền hai bên có lập hợp đồng vay tiền và công chứng tại Văn phòng công chứng ĐA, thành phố C, tỉnh Đắk Lắk. Đến thời hạn trả nợ, mặc dù bà L đã gặp ông D nhiều lần yêu cầu trả nợ, nhưng ông D cứ khất lần và cố tình không trả.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà L, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố C buộc ông D phải trả cho bà L số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng và số tiền lãi suất theo quy định tại hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận là 1,5%/tháng.

Đối với bị đơn Ông D: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông D theo quy định của pháp luật, tuy nhiên qua xác minh tại nơi cư trú của ông D thì được biết, ông D đã bỏ đi khỏi địa phương, không thông báo về việc tạm trú, tạm vắng và hiện không biết địa chỉ nơi ông D cư trú ở đâu. Vì vậy, Tòa án không thể tổng đạt các văn bản tố tụng trực tiếp cho ông D được, nên đã tiến hành tiến hành thông báo tìm người vắng mặt nơi cư trú, hết thời hạn thông báo ông D vẫn không có mặt tại Tòa án để làm việc, vì vậy Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk pháp biểu quan điểm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thời hiệu khởi kiện: Vào ngày 25/4/2016, bà L có cho ông D vay số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), thời hạn trả nợ vào ngày 25/4/2017. Đến thời hạn trả nợ bà L đòi nhiều lần nhưng ông D không trả nợ được, vì vậy ngày 02/10/2019, nguyên đơn bà L khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố C, nên vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn làm đơn khởi kiện là “Kiện đòi tài sản”, tuy nhiên nội dung mà nguyên đơn yêu cầu là đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết. tuy nhiên trong quá trình thụ lý giải quyết thì Tòa án thành phố C lại xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Kiện đòi tài” là không chính xác, vì vậy cần xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản, sau khi Tòa án thành phố C thụ lý giải quyết, thì biết được ông D đã sử dụng

hộ chiếu số C5833752 để xuất cảnh qua cửa khẩu Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, hiện chưa có thông tin trở lại. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố C đã chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết theo thẩm quyền, là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 34; Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông D đã bỏ đi khỏi nơi cư trú mà không thông báo với chính quyền địa phương nơi ông D đăng ký Hộ khẩu thường trú và sinh sống thường xuyên. Vì vậy, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng và thông báo lên thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên ông D vẫn không có mặt tại Tòa để giải quyết vụ việc. Nên vụ án được xét xử vắng mặt của bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Vào ngày 25/4/2016, bà L có cho ông D vay số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng, từ ngày 25/4/2016 đến ngày 25/4/2017, lãi suất vay 1,5%/ tháng, mục đích vay tiền để làm ăn, kỳ hạn trả nợ được các bên thỏa thuận như sau:

Ngày 10/5/2016, ông D phải trả cho bà L số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Ngày 25/7/2016, ông D phải trả cho bà L số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Số tiền còn lại 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) ông D có nghĩa vụ trả cho bà L khi hết thời hạn vay.

Xét chứng cứ là Giấy vay tiền đề ngày 25/4/2016 mà nguyên đơn cung cấp với nội dung nêu trên là có căn cứ. Bởi lẽ, Giấy vay tiền này thể hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ, chữ ký của bên cho vay và bên vay, đồng thời đã được Công chứng viên của Văn phòng công chứng ĐA công chứng, chứng thực nên căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 92 thì đã có đủ cơ sở xác định việc ông D vay tiền bà L là có thật. Vì vậy, cần chấp nhận nội dung nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc 500.000.000 đồng là phù hợp với Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Theo hợp đồng các bên thỏa thuận ông D vay của bà L số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng, từ ngày 25/4/2016 đến ngày 25/4/2017, lãi suất vay 1,5%/ tháng. Tuy nhiên hợp đồng vay tài sản được ký kết vào ngày 25/4/2016 trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực nên cần áp dụng Điều 476 Bộ luật dân sự 2005; Điều 2 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010, để tính mức lãi suất trong khoảng thời gian từ 25/4/2016 đến 31/12/2016. Mức lãi suất được tính như sau: $150\% \times 9\%/\text{năm} = 13,5\%/\text{năm}$, tương đương với $1,125\%/\text{tháng}$. Như vậy, mức lãi suất hai bên thỏa thuận ghi trong hợp đồng đã vượt quá mức lãi suất mà Bộ luật dân sự quy định tại thời điểm, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận, mà cần áp dụng mức lãi suất $1,125\%/\text{tháng}$ thì mới phù hợp. cụ thể là:

Tiền lãi từ ngày 25/4/2016 đến 31/12/2016 sẽ được tính như sau: 500.000.000 đồng x 1,125%/ tháng x 08 tháng 06 ngày = 46.125.000 đồng.

Ngày 01/01/2017, Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực, nên căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 để tính tiền lãi trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2017 đến ngày 09/9/2020 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận ghi trong hợp đồng. Cụ thể như sau:

500.000.000 đồng x 1,5%/tháng x 44 tháng 08 ngày = 332.000.000 đồng.

Tổng tiền lãi mà ông D phải chịu là: 332.000.000 đồng + 46.125.000 đồng = 378.125.000 đồng.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên cần buộc bị đơn ông D phải trả cho nguyên đơn bà L số tiền gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 09/9/2020 là 378.125.000 đồng.

[3] *Về chi phí thông báo tìm người vắng mặt nơi cư trú:* Do bà L có yêu cầu Thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú nên bà L phải chịu chi phí theo quy định tại khoản 2 Điều 180 BLTTDS (bà L đã nộp xong).

[4] *Về án phí:* Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 34; Điều 37; Điều 92; khoản 2 Điều 180; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 427; Điều 474 và Điều 476 BLDS năm 2005; Điều 357; 468 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Điều 2 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L: Buộc ông D phải trả cho bà L số tiền 878.125.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi là 378.125.000 đồng, tính đến ngày 09/9/2020.

Kể từ ngày 10/9/2020, Ông D tiếp tục phải chịu tiền lãi trên trên số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất 1,5%/tháng cho đến khi thi hành án xong.

2. Về chi phí thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú: Bà L phải chịu 3.025.000 đồng chi phí thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú (đã nộp xong).

3. Về án phí:

Ông D phải chịu 38.344.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Hoàn trả cho bà L 12.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí, mà bà L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, theo biên lai thu tiền số AA/2019/0005042, ngày 15/10/2019.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2. Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDCC Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS t.p C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Kim Khánh